

Số: **88** /CBTT-LGM
V/v Công bố báo cáo thường niên năm
2024 của Công ty Legamex

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT
KHẨU (LEGAMEX)
DN: E=congtycp@legamex.com,
C=VN, O=CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY
DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX),
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ
MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX), L=15
Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, S=TP
HỒ CHÍ MINH, CN=VN
Reason: I am the author of this
document
Date: 2025.04.14 14:59:29+0700
Fork PDF Reader Version: 2023.2.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

- Mã Chứng khoán : LGM
- Địa chỉ trụ sở chính : 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 22146121 Fax: 028 3864 1265

Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/4/2025 tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao/bao-cao-thuong-nien/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật**



Huỳnh Tăng Phúc Hậu

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA
VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 87/BCTN-LGM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300734844
- Vốn điều lệ: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.22146087
- Số fax: (84.8) 8641265
- Website: www.legamex.vn
- Mã cổ phiếu: LGM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) là Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu (Quận 10) trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ngày 15/08/1986, theo quyết định số 105/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhiệm vụ chính là sản xuất và gia công giày da, hàng may mặc xuất khẩu sang Liên Xô cũ và một số nước khác.

Tháng 08/1988, Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 được phép sử dụng tên viết tắt "Legamex" (từ ghép của các mẫu tự đầu tiên các từ trong tên gọi Công ty bằng tiếng Anh là Leather Footwear and Garment Making Exporting Factory) để giao dịch với khách hàng nước ngoài.

Tháng 12/1988, do quy mô, cơ sở sản xuất phát triển lớn, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định đổi tên Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 thành Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) với nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh các mặt hàng thuộc ngành dệt – da – may, phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước.

Tháng 8/1991, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định chuyển giao Công ty Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10 về trực thuộc Sở Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Tháng 12/2005, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) thành Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (Quyết định số 6663/QĐ-UBND).

Ngày 25/08/2006, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty cổ phần số 410300519 cho CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX) (Được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công Ty Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu, số ĐKKD: 102143 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày: 11/12/1993), đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 6 năm 2022, mã số doanh nghiệp: 0300734844.

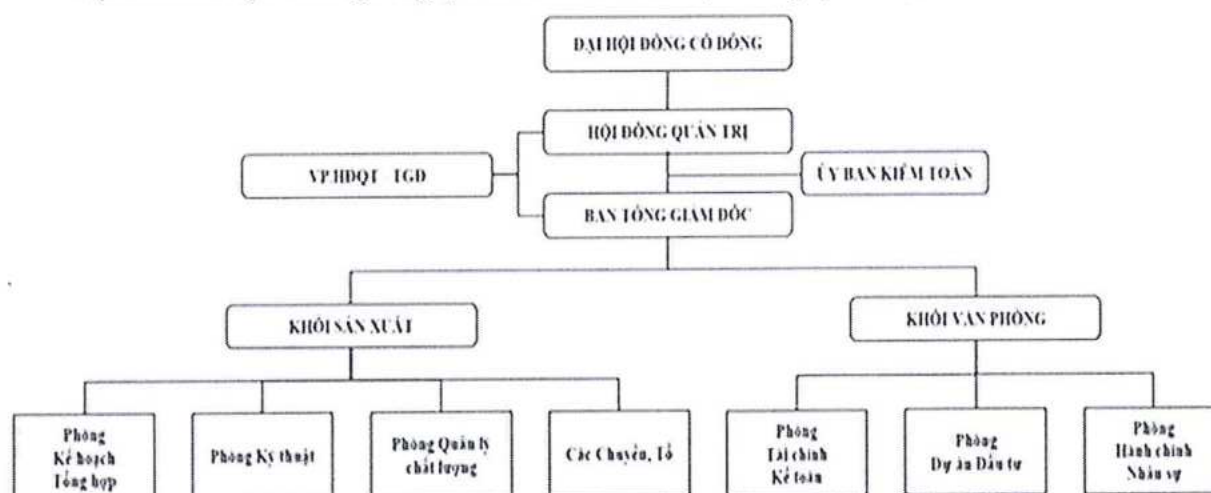
Ngày 18/12/2019, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán LGM) đã chính thức giao dịch lần đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 7.400 đồng/cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp may (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh) (Mã ngành: 1410).
- Địa bàn kinh doanh: Kinh doanh chính tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.
- Sơ đồ tổ chức đến ngày thực hiện báo cáo: Sơ đồ tổ chức ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2024 của Hội đồng quản trị.



4. Định hướng phát triển năm 2024:

Theo đánh giá của các chuyên gia, ngành dệt may Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ tiếp tục đối diện với hàng loạt khó khăn, chịu tác động bởi suy thoái kinh tế thế giới và trong nước dẫn đến nhu cầu tiêu thụ hàng hoá may mặc tiếp tục suy giảm mạnh trên cả thị trường nội địa lẫn các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... Bên cạnh đó là hàng loạt các chi phí đầu vào như giá điện, giá cước vận tải, lương tối thiểu... đều tăng. Do đó năm 2024 là năm Công ty Legamex cố gắng duy trì các đơn hàng may mặc hiện có, giữ chân người lao động và chờ thị trường dệt may hồi phục.

- Đối với hoạt động sản xuất may gia công: Duy trì các đơn hàng khách hàng hiện nay, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các khách hàng có số lượng đơn hàng ổn định, giá cả cạnh tranh để duy trì hoạt động sản xuất, giữ chân người lao động có tay nghề chờ thị trường dệt may hồi phục. Thúc đẩy tăng năng suất các chuyên để đạt và vượt năng suất đề ra, giảm tối đa chi

phí, đặc biệt là chi phí gián tiếp để tiếp tục giảm giá thành, gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Chuyển đổi, nâng cao năng lực máy móc thiết bị nhằm giảm tối đa thời gian dừng máy, ngưng chuyển. Khi tình hình đơn hàng gia công có dấu hiệu khả quan, nhận nhiều đơn hàng hơn thì tăng cường công tác tuyển dụng lao động có tay nghề, đẩy mạnh việc tìm kiếm lao động ở tất cả các kênh thông tin việc làm để đảm bảo đủ người nhằm mở rộng thêm chuyển mới.

- Đối với hoạt động bán hàng: Công ty tiếp tục khai thác hiệu quả các hợp đồng cung ứng sản phẩm may mặc cho Sài Gòn Co.op, các đơn hàng cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, doanh nghiệp. Xúc tiến các hoạt động quảng bá, giới thiệu năng lực sản xuất gia công, tham gia các chương trình hàng may mặc... để tiếp xúc, tìm kiếm các đối tác mới có nhu cầu.

- Đối với hoạt động khai thác mặt bằng: hoàn thiện pháp lý các mặt bằng để đưa vào khai thác. Đối với dự án Lega Fashion House tại số 106 đường 3/2, phường 14, quận 10, TP.HCM chậm triển khai do vướng mắc về quy hoạch từ năm 2013 đến nay. Do vậy, định hướng trong thời gian tới Công ty tiếp tục giải quyết các vướng mắc tồn đọng về quy hoạch và triển khai dự án.

- Về hoạt động đầu tư tài chính: Tiếp tục quản lý theo dõi khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) theo quy định.

5. Các rủi ro:

Bên cạnh những thuận lợi, Legamex cũng gặp những khó khăn nhất định:

- Trong công tác tuyển dụng lao động: Công ty Legamex vẫn có nhu cầu tuyển dụng lao động. Tuy nhiên, thị trường lao động tại TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung có đang những khó khăn nhất định, người lao động hiện nay có xu hướng muốn tham gia vào các ngành nghề dịch vụ, khu công nghiệp tại các tỉnh mở ra nhiều nên công nhân ở các tỉnh cũng ít về thành phố tìm việc hơn so với các năm trước. Vị trí công ty nằm ở trung tâm Quận 10, nên công tác tuyển dụng lao động may cũng khó khăn hơn những quận khác.

- Năm 2024 kinh tế ảm đạm, lạm phát và suy thoái kinh tế dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc sụt giảm mạnh ở các thị trường chính như EU, Mỹ,..., một số doanh nghiệp ngành may mặc buộc phải cắt giảm lao động để giảm chi phí.

- Đối với Legamex, năm 2024 đơn hàng giảm mạnh do lạm phát và suy thoái kinh tế dẫn đến đơn hàng khan hiếm, không ổn định và cạnh tranh về giá. Do đó, Công ty cân đối lại lực lượng lao động cho phù hợp nhằm giảm thiểu chi phí chờ thị trường dật may phục hồi.

- Đồng thời, cơ quan Nhà nước đã có các quy định chặt chẽ, thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nhà đất của các doanh nghiệp, cá nhân. Do đó, Công ty Legamex cần phải tăng cường công tác quản lý, sử dụng mặt bằng, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và mang lại hiệu quả cho Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính: (Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.035.363.276	38.559.990.824	24%
Giá vốn hàng bán	56.323.304.932	54.350.040.584	-4%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	% Tăng/giảm
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(25.287.941.656)	(15.790.049.760)	-38%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.789.572.809	8.021.684	-100%
Chi phí tài chính	709.157.870	3.612.141.571	409%
Chi phí bán hàng	905.822.289	12.000.000	-99%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.780.258.356	10.613.139.758	-64%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(53.893.607.362)	(30.019.309.405)	-44%
Thu nhập khác	974.144.884	2.088.862.704	114%
Chi phí khác	7.252.986.146	5.239.049.142	-28%
Lợi nhuận khác	(6.278.841.262)	(3.150.186.438)	-50%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.172.448.624)	(33.169.495.843)	-45%

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2024, Công ty Legamex ghi nhận khoản doanh thu tăng và giảm lỗ so với thực hiện năm 2023. Theo đó, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 38,56 tỷ đồng, tăng 7,52 tỷ đồng so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận khoản lỗ 33,17 tỷ đồng, giảm lỗ 27,00 tỷ đồng so với năm 2023. Nguyên nhân:

+ Về doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 tăng 7,52 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023 do năm 2023 là thời gian Công ty vừa chuyển đổi từ sản xuất từ vải sang sản xuất gia công may mặc hàng thời trang nên đơn hàng còn hạn chế, các khách hàng chưa tin tưởng để giao gia công với số lượng lớn. Đến năm 2024, Công ty đã nhận được nhiều đơn hàng hơn từ nhiều khách hàng, nên doanh thu có tăng so với năm 2023. Ngoài ra việc tăng cường nhận đơn hàng và giao gia công ngoài cũng góp phần làm tăng doanh thu của Công ty. Mặc dù doanh thu tăng là vậy nhưng giá vốn vẫn còn rất cao làm cho lợi nhuận gộp trong năm 2024 âm 15,79 tỷ đồng.

+ Về doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 giảm 2,78 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023, do trong năm 2023 Công ty thực hiện việc chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính, năm 2024 chỉ phát sinh lãi tiền gửi không kỳ hạn nên không đáng kể.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 giảm 19,17 tỷ đồng do năm 2023 Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 14,38 tỷ đồng theo quy định. Nếu không tính chi phí trích dự phòng này thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 giảm 4,79 tỷ đồng. Điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của Ban điều hành trong việc kiểm soát chi phí trong năm 2024.

+ Về lợi nhuận khác: năm 2024 tăng 3,13 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023 do năm 2024 phát sinh tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất, Bảo hiểm xã hội ít hơn năm 2023, đồng thời năm 2024 Công ty thực hiện thanh lý một số máy móc thiết bị không sử dụng nhằm thu hồi một phần vốn để bù đắp chi phí hoạt động.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành tính đến thời điểm 31/12/2024.**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần(%)
1	Lê Hồng Chiến	Tổng giám đốc	1974	0
2	Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó Tổng giám đốc	1992	0
3	Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	1969	1.600 CP (0.0216%)

- **Những thay đổi trong Ban điều hành tính đến thời điểm 31/12/2024:** Không.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 201 cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. **Các khoản đầu tư lớn:** Không.

b. **Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết:** Không.

c. **Các khoản đầu tư tài chính khác:** Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2024 như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định (1)	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Cộng	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	

(1): Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phần.

4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính:

TT	THỰC HIỆN	NĂM 2023	NĂM 2024	Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	65.711.907.988	78.930.971.650	13.219.063.662
2	Vốn chủ sở hữu	(45.709.025.770)	(78.837.545.218)	(33.128.519.448)
3	Doanh thu thuần	31.035.363.276	38.559.990.824	7.524.627.548
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(53.893.607.362)	(30.019.309.405)	23.874.297.957
5	Lỗ khác	(6.278.841.262)	(3.150.186.438)	3.128.654.824
6	Lợi nhuận trước thuế	(60.172.448.624)	(33.169.495.843)	27.002.952.781
7	Lợi nhuận sau thuế	(62.744.062.684)	(33.128.519.448)	29.615.543.236
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ 1 cổ phần)	(8.479)	(4.477)	4.002

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1/ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,14	0,11	
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,10	0,09	
2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	1,70	2,00	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	(2,44)	(2,00)	
3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	7,75	16,99	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,47	0,49	
4/ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	(2,02)	(0,86)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,37	0,42	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	(0,95)	(0,42)	
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	Lần	(1,74)	(0,78)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Số lượng cổ phiếu:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng
7.400.000	Phổ thông	7.400.000	0

b. Cơ cấu cổ đông (cập nhật đến ngày 29/07/2024 theo danh sách người sở hữu chứng khoán được VSDC chốt tại ngày 29/07/2024):

Phân loại cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn	1	5.377.634	72.67
Cổ đông nhỏ	271	2.022.366	27.33
Cổ đông tổ chức	3	5.447.734	73.62
Cổ đông cá nhân	269	1.952.266	26.38
Cổ đông nước ngoài	2	14.000	0.19
Cổ đông trong nước	270	7.386.000	99.81

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(70.573.237.223)	17.035.036.914
Tăng trong năm trước					
Giảm trong năm trước				(62.744.062.684)	(62.744.062.684)
Số dư cuối năm trước (Đầu năm nay)	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(133.317.299.907)	(45.709.025.770)
Tăng trong năm nay					
Giảm trong năm nay				(33.128.519.448)	(33.128.519.448)
Số dư cuối năm nay	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(166.445.819.355)	(78.837.545.218)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường, không bị các khoản phạt hay bồi thường về các vấn đề liên quan đến môi trường.

b. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, thu nhập bình quân người lao động:
 - + Số lượng lao động: tại ngày 31/12/2024, công ty có 201 cán bộ công nhân viên.
 - + Thu nhập bình quân người lao động: 8.374.768 đồng/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - + Đảm bảo thời giờ làm việc theo đúng quy định pháp luật;
 - + Đảm bảo chế độ phúc lợi cho người lao động: tiền mừng đám cưới, thăm viếng người thân qua đời, chi mai táng cho người lao động chết, trợ cấp khó khăn đột xuất, thăm hỏi công nhân nghèo trong các ngày tết, chế độ ăn giữa ca, chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm; chế độ các ngày lễ trong năm: quốc tế thiếu nhi, tết dương lịch, âm lịch...
 - + Đảm bảo chế độ nghỉ hàng năm cho người lao động;
 - + Khám sức khỏe cho người lao động: mỗi năm/lần;
 - + Trang bị bảo hộ lao động theo quy định;
 - + Chi trả chế độ tai nạn cho người lao động theo đúng quy định.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Tùy vào tính chất công việc, người lao động có liên quan được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp của Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:

+ Chính sách lương:

- Đảm bảo việc xây dựng và áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương phù hợp quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
- Đảm bảo công bằng giữa người lao động, trên cơ sở trách nhiệm được giao và hiệu quả, năng suất, chất lượng công việc hoàn thành.
- Tạo động lực khuyến khích người lao động thi đua sản xuất.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định của Nhà nước có liên quan. Chính sách trả lương, thưởng của Công ty có thể được cân đối và điều chỉnh cho thích hợp từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với khả năng chi trả và thực tế hoạt động của Công ty.
- Mỗi lao động được trả lương, trả thưởng theo vị trí, chức danh công việc đảm nhận tùy thuộc vào năng lực, trình độ chuyên môn, khối lượng và tính chất phức tạp của công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc được giao căn cứ theo thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan chức năng.

+ Chính sách khen thưởng: Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được tính và trả ngay vào kỳ lương tháng đó của CBCNV. Mục đích:

- Khen thưởng CBCNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc.
- Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.
- Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

+ Chế độ phúc lợi:

- Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ...
 - Phụ cấp nhà trọ hoặc có nhà lưu trú cho công nhân ở tỉnh.
 - Đóng BHYT, BHXH, BHTN khi được ký kết Hợp đồng lao động chính thức.
 - Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp xăng xe; Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định pháp luật.
 - Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường hoàn thiện.
 - Quà khuyến học cho các cháu thiếu nhi vào cuối năm học, vào các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu,...
 - Các phong trào Văn - Thể - Mỹ do Công ty tổ chức vào các dịp Lễ hội.
- c. **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:** Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2024, trong năm 2024 Legamex đã thực hiện:

- Doanh thu thuần 38.559.990.824 đồng, tăng 24% so với năm 2023;
- Giá vốn hàng bán giảm 4% so với năm 2023;
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế (33.128.519.448) đồng.

Sau khi đứt gãy đơn hàng gia công tủ vải, đến cuối năm 2023 Công ty Legamex đã cơ bản chuyển đổi sang cơ cấu hoạt động sản xuất gia công hàng may mặc thời trang để thích ứng với tình hình mới, đồng thời năm 2023 cũng là bước chạy đà cho năm 2024 và các năm sau. Nhưng năm 2024 vẫn còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến năng suất sản xuất chưa được cải thiện, doanh thu chỉ bù đắp một phần lương và các khoản phúc lợi của người lao động trực tiếp sản xuất, làm cho lãi gộp âm. Năm 2024 là năm mà ngành dệt may có sự tăng trưởng nhẹ về xuất khẩu so với năm 2023. Tuy nhiên đây là thị trường đòi hỏi rất nhiều yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, nguyên liệu, nguồn lực để có thể tiếp cận. Công ty Legamex chỉ là đơn vị thực hiện gia công cho các đối tác trong nước do Công ty Legamex không đủ nguồn lực để thực hiện sản xuất kinh doanh với quy mô xuất khẩu. Vì vậy, việc tìm đối tác, đơn hàng và thương lượng giá trong thời gian này vẫn rất khó khăn, đa phần là các đơn hàng có số lượng nhỏ, đơn giá thấp, thời gian sản xuất và giao hàng ngắn... là các đơn hàng rất khó để có hiệu quả. Do đó hoạt động sản xuất của Công ty không đạt năng suất, sản lượng như kỳ vọng. Số lượng lao động sản xuất trực tiếp liên tục sụt giảm do khó khăn về lương, thưởng và các chế độ đi kèm kéo theo việc tuyển mới lao động cũng không thực hiện được như kế hoạch. Đặc biệt, sau làn sóng dịch chuyển lao động tại các thành phố lớn về lại địa phương thì khả năng tuyển thêm lao động mới của Công ty Legamex lại càng thêm khó. Máy móc, thiết bị của Công ty đa phần đã hơn 10 năm, Công ty sử dụng theo hướng tận dụng mà không có khả năng đầu tư mới nên không thực hiện được tự động hóa đã tác động không nhỏ đến năng suất sản xuất. Nhằm duy trì sản xuất, góp phần giữ chân người lao động, tìm giải pháp sản xuất phù hợp để vượt qua giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế thì Công ty Legamex tiếp tục thực hiện gia công các đơn hàng nhỏ lẻ trong năm 2024 để sản xuất. Luôn cải tiến quy trình nhằm phù hợp với tình hình mới nhưng hiệu quả chung của hoạt động sản xuất chưa cao, do đó các đơn hàng may mặc thời trang chưa thể đáp ứng kỳ vọng kế hoạch 2024.

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2024:

a. Tình hình tài sản:

Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản công ty là 78.930.971.650 đồng, tăng 13.219.063.662 đồng so với tổng tài sản công ty tại ngày 31/12/2023.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Theo Biên bản thanh lý HĐHTKD (số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17/12/2010) ngày 09/6/2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11/5/2016 ký giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định ("GDI") và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương ("OGC"), Legamex sẽ hoàn trả cho đối tác OGC khoản tiền đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND vào Dự án Lega Fashion House sau khi Legamex ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới.

- Ngoài ra, Công ty cũng đang có các nghĩa vụ về thuế, tiền thuê đất với số tiền 25.481.563.961 đồng và nợ vay phải trả tổ chức, cá nhân với số tiền 88.800.000.000 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2024 về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty Legamex phù hợp với Điều lệ và tình hình thực tế Công ty Legamex.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đối với hoạt động gia công: Duy trì các đơn hàng, khách hàng có đơn hàng thường xuyên, số lượng và giá cả tốt, hiệu quả để duy trì hoạt động sản xuất. Trường hợp thị trường dệt may tiếp tục không thuận lợi, không có kế hoạch đơn hàng dài hạn thì bắt buộc tạm ngừng gia công, tinh giản lao động để tiết giảm tối đa chi phí, khi thị trường thuận lợi thì khôi phục. Chuyển đổi, rà soát máy móc thiết bị nhà xưởng để tối ưu hoá theo hình thức hợp tác, cho thuê nhằm bổ sung nguồn tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thanh lý các tài sản tồn kho lâu năm và máy móc thiết bị không còn sử dụng để tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với hoạt động quản lý, sử dụng các mặt bằng: hoàn thiện pháp lý các mặt bằng để đưa vào sử dụng theo quy định pháp luật. Đối với dự án Lega Fashion House tại số 106 đường 3/2, phường 14, quận 10, TP.HCM trong thời gian tới Công ty tiếp tục theo dõi và kiến nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết các vướng mắc về pháp lý để tiếp tục triển khai dự án theo quy định pháp luật.

- Đối với hoạt động đầu tư tài chính: Rà soát, cơ cấu lại các khoản mục đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Legamex, để từ đó có chủ trương chính sách đầu tư phù hợp, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn của Legamex tại các doanh nghiệp.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ngày 27/3/2025, Công ty Legamex ban hành Công văn số 73/CV-LG gửi UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội giải trình ý kiến ngoài trừ trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, cụ thể:

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 28/12/2018 của Đại hội đồng thường niên năm 2018 có phê duyệt phương án phát triển Dự án như sau: “Thông nhất chủ trương Công ty cổ phần Giày da và may mặc xuất khẩu (Legamex) tự triển khai dự án Trung Tâm Thời Trang Thương mại Dịch vụ cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 106 đường 3/2, phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Ủy quyền HĐQT quyết định phương án phát triển dự án...”.

Đến ngày 25/04/2024, Đại hội đồng cổ đông tiếp tục ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ về các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 24/05/2024. Trong đó, tại Điều 9 của Nghị quyết có nêu “Thông nhất chủ trương Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) hợp tác triển khai thực hiện dự án Trung tâm Thời trang – Thương mại – Dịch vụ – Cao ốc Văn phòng tại khu đất 106 Đường Ba Tháng Hai, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ trương này thay thế chủ trương tại Điều 10 Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 28/12/2018. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn (các) đối tác mới và tất cả các vấn đề liên quan để hợp tác triển khai dự án mang lại hiệu quả cho Công ty.”.

Trong nhiều năm, Công ty đã đẩy mạnh công tác hoàn thiện thủ tục pháp lý và tìm kiếm (các) đối tác (nếu có) phù hợp để triển khai dự án. Tuy nhiên, trong giai đoạn 3 năm 2020 - 2022 ảnh hưởng của dịch bệnh Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp theo sau đó là lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động không nhỏ đến việc Công ty Legamex tìm kiếm đối tác và tháo gỡ các vướng mắc pháp lý để tiếp tục triển khai dự án. Xuyên suốt quá trình triển khai dự án đến nay, mặc dù trải qua các giai đoạn khó khăn vướng mắc về chính sách, pháp luật trong đầu tư xây dựng nhưng Công ty Legamex luôn thống nhất chủ trương thực hiện dự án, tiền thuê đất là một trong các khoản mục của tổng vốn đầu tư vào dự

án. Do đó, Công ty đã thực hiện vốn hóa toàn bộ chi phí liên quan tại dự án (bao gồm chi phí tiền thuê đất hàng năm) vào giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại dự án là phù hợp tình hình thực tế của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh và thực hiện tiết kiệm tiêu thụ điện, nước (nhắc nhở, thông báo, dán decal nhắc nhở cán bộ công nhân viên...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2024, mặc dù công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên công ty duy trì thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động: Có nơi lưu trú cho công nhân ở tỉnh, thực hiện chính sách hỗ trợ lương, trong đó có hỗ trợ lương cho công nhân trong quá trình học việc, các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2024, Công ty đã hỗ trợ, tổ chức thực hiện các chương trình, công tác, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Hỗ trợ Chi phí An ninh Trật Tự cho Phường 15 Quận 10;
- Hỗ trợ chăm lo các gia đình chính sách khó khăn, hộ nghèo Phường 15 Quận 10.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2024 có rất nhiều khó khăn là do thị trường dệt may trong và ngoài nước sụt giảm đơn hàng nghiêm trọng, do sự suy yếu của nền kinh tế thế giới và sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc tìm đối tác, đơn hàng và thương lượng giá rất khó khăn, đa phần là các đơn hàng có số lượng nhỏ, đơn giá thấp, thời gian sản xuất và giao hàng ngắn... nên hoạt động sản xuất Công ty không đạt năng suất, sản lượng như kỳ vọng. Công ty phải hỗ trợ lương cho công nhân, lao động và thực hiện chế độ theo quy định cũng như để giữ chân người lao động nhằm duy trì hoạt động SXKD của Công ty trước mắt và ổn định, phát triển trong thời gian tới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Tình hình sản xuất năm 2024 diễn ra không như kế hoạch đã được đề ra, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức về đơn hàng gia công, đơn giá nhận gia công thấp trong khi chi phí đầu vào, giá nhân công lao động tại TP.HCM cao, lạm phát và suy thoái kinh tế. Đáng chú ý suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay làm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa may mặc suy giảm mạnh trên cả thị trường trong nước lẫn các nước nhập khẩu lớn. Tuy nhiên, theo đánh giá của HĐQT thì TGD và Ban Điều hành đã rất nỗ lực để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động sản xuất gia công cũng như việc làm cho người lao động.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại ngày 31/12/2024:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT không điều hành	295.300	3.99%	Bổ nhiệm ngày 27/02/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
2	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 27/02/2024
3	Ông Lê Hồng Chiến	Thành viên HĐQT điều hành	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 27/02/2024
4	Ông Lê Xuân Khanh	Chủ tịch HĐQT	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 27/02/2024
5	Bà Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên HĐQT điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 27/02/2024
6	Bà Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên HĐQT không điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 27/02/2024

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/ đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp và 25 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	7/7	100%	
2	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	7/7	100%	
3	Ông Lê Hồng Chiến	7/7	100%	
4	Ông Lê Xuân Khanh	2/2	100%	
5	Bà Dư Nguyễn Khánh Linh	2/2	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Diễm My	2/2	100%	

- Các quyết định của HĐQT:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	09/01/2024	Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
2	02/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Thành lập Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
3	03/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
4	04/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Danh sách Ban Kiểm phiếu giới thiệu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 để thông qua.
5	05/QĐ-HĐQT	26/01/2024	Vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
6	06/QĐ-HĐQT	26/01/2024	Bổ sung nội dung vào chương trình họp và thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024.
7	07/QĐ-HĐQT	27/02/2024	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.
8	08/QĐ-HĐQT	27/02/2024	Bổ nhiệm nhân sự Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
9	09/QĐ-HĐQT	05/3/2024	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Legamex.
10	10/QĐ-HĐQT	05/3/2024	Miễn nhiệm chức danh người phụ trách quản trị Công ty.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
11	11/QĐ-HĐQT	05/3/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Legamex.
12	12/QĐ-HĐQT	12/3/2024	Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
13	13/QĐ-HĐQT	12/3/2024	Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty Legamex.
14	14/QĐ-HĐQT	12/3/2024	Vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
15	15/QĐ-HĐQT	22/3/2024	Thành lập Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
16	16/QĐ-HĐQT	22/3/2024	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
17	17/QĐ-HĐQT	22/3/2024	Danh sách Ban Kiểm phiếu giới thiệu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để thông qua.
18	18/QĐ-HĐQT	09/4/2024	Ký các hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công sản xuất hàng may mặc thời trang.
19	19/QĐ-HĐQT	27/5/2024	Vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
20	20/QĐ-HĐQT	27/5/2024	Ký các hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công sản xuất hàng may mặc thời trang.
21	21/QĐ-HĐQT	08/7/2024	Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2.
22	22/QĐ-HĐQT	17/7/2024	Thành lập Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2.
23	23/QĐ-HĐQT	17/7/2024	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2.
24	24/QĐ-HĐQT	17/7/2024	Danh sách Ban Kiểm phiếu giới thiệu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2 để thông qua.
25	25/QĐ-HĐQT	30/7/2024	Điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty Legamex.
26	26/QĐ-HĐQT	30/7/2024	Ký các Hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công sản xuất hàng may mặc thời trang.
27	27/QĐ-HĐQT	30/7/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
28	28/QĐ-HĐQT	30/7/2024	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2.
29	29/QĐ-HĐQT	19/9/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
30	30/QĐ-HĐQT	19/9/2024	Thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
31	31/QĐ-HĐQT	17/10/2024	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
32	32/QĐ-HĐQT	17/10/2024	Vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
33	33/QĐ-HĐQT	24/10/2024	Ký các Hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công sản xuất hàng may mặc thời trang.
34	34/QĐ-HĐQT	06/11/2024	Vay vốn để thực hiện pháp lý dự án.
35	35/QĐ-HĐQT	06/11/2024	Vay vốn để cải tạo nhà xưởng phục vụ sản xuất.

- Các Nghị quyết của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	09/01/2024	Thông qua Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Legamex	100%
2	02/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Thông qua chủ trương gia hạn các khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Legamex. 2. Thông qua kế hoạch hỗ trợ chăm lo Tết Nguyên Đán - Xuân Giáp Thìn 2024 cho người lao động Công ty	100%
3	03/NQ-HĐQT	26/01/2024	1. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. 2. Thông qua việc bổ sung vào chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty Legamex để thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo mô hình số 2 quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp theo đề nghị của cổ đông. 3. Thông qua dự thảo các tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2024.	100%
4	04/NQ-HĐQT	27/02/2024	1. Thông qua kết quả bầu ông Nguyễn Hoàng Vũ – Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 2. Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
5	05/NQ-HĐQT	05/3/2024	1. Thông qua việc tái bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Legamex đối với ông Lê Hồng Chiến, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 11/3/2024. 2. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty Legamex đối với bà Đỗ Thị Hồng theo Đơn xin từ nhiệm.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			3. Thông qua việc bổ nhiệm bà Trần Thị Xuân Mẫn làm Người phụ trách quản trị Công ty Legamex.	
6	06/NQ-HĐQT	12/3/2024	Thông qua Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Legamex	100%
7	07/NQ-HĐQT	12/3/2024	1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế quản lý tài chính của Công ty Legamex thay thế cho Bản Quy chế quản lý tài chính ký ngày 30/06/2008. 2. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
8	09/NQ-HĐQT	02/4/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
9	10/NQ-HĐQT	03/4/2024	Thông qua dự thảo các báo cáo, tờ trình của HĐQT, UBKT, TGD trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét theo thẩm quyền.	100%
10	11/NQ-HĐQT	09/4/2024	Thông qua việc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ký kết các Hợp đồng gia công số 01/2024/HĐGC/LGM-GDT; số 02/2024/HĐGC/LGM-GDT với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công hàng may mặc thời trang.	100%
11	14/NQ-HĐQT	23/4/2024	Thông qua việc bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
12	15/NQ-HĐQT	17/5/2024	Thông qua chủ trương thực hiện thanh lý MMTB hư hỏng và/hoặc không còn kế hoạch sử dụng.	100%
13	16/NQ-HĐQT	27/5/2024	1. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. 2. Thông qua việc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ký kết các Hợp đồng gia công số 03/2024/HĐGC/LGM-GDT; số 04/2024/HĐGC/LGM-GDT và số 05/2024/HĐGC/LGM-GDT với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công hàng may mặc thời trang.	100%
14	17/NQ-HĐQT	30/5/2024	Ghi nhận Báo cáo số 79/BC-TGD ngày 28/5/2024 của Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất gia công, tình hình tài chính Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Legamex trong 04 tháng đầu năm 2024 và trước những khó khăn hiện nay của Công ty.	
15	19/NQ-HĐQT	24/6/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
16	20/NQ-HĐQT	08/7/2024	1. Thông qua chủ trương trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt việc Công ty Legamex phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty. 2. Ghi nhận Báo cáo số 101/BC-TGD ngày 03/7/2024 của Tổng Giám đốc về việc thực hiện thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh theo nội dung Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông. 3. Thông qua kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2.	100%
17	21/NQ-HĐQT	19/7/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
18	22/NQ-HĐQT	30/7/2024	1. Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo sơ đồ cơ cấu tổ chức mới. 2. Thông qua việc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ký kết các Hợp đồng gia công số 06/2024/HĐGC/LGM-GDT, 07/2024/HĐGC/LGM-GDT, 08/2024/HĐGC/LGM-GDT, 09/2024/HĐGC/LGM-GDT, 10/2024/HĐGC/LGM-GDT và số 11/2024/HĐGC/LGM-GDT với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công hàng may mặc thời trang. 3. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex). 4. Thông qua dự thảo các tờ trình của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 2 xem xét theo thẩm quyền.	100%
19	23/NQ-HĐQT	19/8/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
20	24/NQ-HĐQT	29/8/2024	Thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
21	25/NQ-HĐQT	19/9/2024	1. Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư,	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài. 2. Thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	
22	26/NQ-HĐQT	19/9/2024	Thông qua các hồ sơ chuẩn bị, nội dung hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.	100%
23	27/NQ-HĐQT	24/9/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
24	28/NQ-HĐQT	04/10/2024	Ghi nhận Báo cáo số 167/BC-TGD ngày 27/9/2024 của Tổng Giám đốc về báo cáo kết quả sản xuất gia công 3 tháng (tháng 6, 7, 8) năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong ba (03) tháng cuối năm 2024.	100%
25	29/NQ-HĐQT	17/10/2024	1. Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex). 2. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
26	30/NQ-HĐQT	24/10/2024	Thông qua việc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) ký kết các Hợp đồng gia công số 12/2024/HĐGC/LGM-GDT; số 13/2024/HĐGC/LGM-GDT; số 14/2024/HĐGC/LGM-GDT và số 15/2024/HĐGC/LGM-GDT với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định để giao gia công hàng may mặc thời trang.	100%
27	31/NQ-HĐQT	31/10/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
28	32/NQ-HĐQT	01/11/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để cải tạo nhà xưởng phục vụ sản xuất.	100%
29	33/NQ-HĐQT	04/11/2024	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).	100%
30	34/NQ-HĐQT	06/11/2024	1. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để thực hiện pháp lý dự án.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			2. Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để cải tạo nhà xưởng phục vụ sản xuất.	
31	35/NQ-HĐQT	07/11/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để thực hiện pháp lý dự án.	100%
32	36/NQ-HĐQT	22/11/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
33	37/NQ-HĐQT	23/12/2024	Thông qua chủ trương Công ty Legamex vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%
34	38/NQ-HĐQT	30/12/2024	Thông qua việc thu tiền chào bán cổ phiếu riêng lẻ đợt 1 năm 2024 trong thời hạn 70 ngày kể từ ngày 24/12/2024 để các Nhà đầu tư thực hiện nộp tiền.	100%

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ủy ban kiểm toán.

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán tại thời điểm 31/12/2024:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Chủ tịch UBKT	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 27/02/2024
2	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên UBKT	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 27/02/2024

b. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán:

Ngoài việc tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2024 nêu trên thì UBKT còn tổ chức họp riêng để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của UBKT.

- Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	2/2	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	2/2	100%	100%	

STT	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
-----	-------------------	------------------

1	Xem xét thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2	Công tác giám sát HĐQT và Ban TGD trong công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2024.	Thông nhất các nội dung: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế nội bộ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Ban điều hành cơ bản thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và phân cấp, phối hợp kịp thời trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 trong điều kiện hết sức khó khăn. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban điều hành triển khai thực hiện theo quy định.
	Đánh giá về các giao dịch có liên quan của Công ty trong năm 2024.	Thông nhất nội dung: Các giao dịch có liên quan của Công ty đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và được công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật.
	Kế hoạch giám sát tính trung thực báo cáo tài chính và tình hình hoạt động của Công ty năm 2024 và kế hoạch làm việc trong quý I năm 2025.	Thông nhất sẽ hợp giám sát BCTC năm 2024 được kiểm toán khi có báo cáo kiểm toán chính thức.

- Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán:

+ UBKT tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến đóng góp kịp thời ở một số vấn đề có liên quan.

+ UBKT giám sát các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.

+ UBKT đã và đang làm việc với đơn vị Kiểm toán để giám sát hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

+ Đồng thời, UBKT thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá về tình hình công nợ, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Bên cạnh đó, các thành viên UBKT luôn lắng nghe ý kiến góp ý, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công nhân viên Công ty khi họ có yêu cầu hoặc đề xuất, đồng thời sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a.1. Thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, UBKT

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền điện thoại	Tổng	Trừ thuế 10%	Còn lại
1	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	30.360.000	326.308	30.686.308	3.068.631	27.617.677

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền điện thoại	Tổng	Trừ thuế 10%	Còn lại
2	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Thành viên HĐQT	25.300.000	233.077	25.533.077	2.553.308	22.979.769
3	Ông Lê Hồng Chiến	Thành viên HĐQT	25.300.000	233.077	25.533.077	2.553.308	22.979.769
4	Ông Lê Xuân Khanh	Chủ tịch HĐQT	5.640.000	1.316.000	6.956.000	695.600	6.260.400
5	Bà Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên HĐQT	4.700.000	940.000	5.640.000	564.000	5.076.000
6	Bà Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên HĐQT	4.700.000	940.000	5.640.000	564.000	5.076.000
7	Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Chủ tịch UBKT	20.240.000		20.240.000	2.024.000	18.216.000
8	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên UBKT	10.120.000		10.120.000	1.012.000	9.108.000
9	Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát	4.700.000	752.000	5.452.000	545.200	4.906.800
10	Bà Tạ Thị Hồng Thắm	Kiểm soát viên	3.760.000	564.000	4.324.000	432.400	3.891.600
11	Ông Lâm Thanh Xuân	Kiểm soát viên	3.760.000	564.000	4.324.000	432.400	3.891.600
TỔNG CỘNG			138.580.000	5.868.462	144.448.462	14.444.847	130.003.615

a.2. Lương, các khoản lợi ích khác (nếu có) của Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng 12 tháng	Trừ thuế TNCN	Còn lại
1	Ông Lê Hồng Chiến	TGD	424.758.923	42.475.892	382.283.031
2	Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó TGD	308.275.423	30.827.542	277.447.881
TỔNG CỘNG			733.034.346	73.303.434	659.730.912

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Cổ đông lớn	1.887.000	25.5%	1.887.000	0%	Bán
2	Bùi Thị Thủy Chung	Cổ đông lớn	246.300	3.3%	1.337.600	18.1%	Mua
3	Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Hà Nam	Cổ đông lớn	0	0%	5.377.634	72.67%	Nhận chuyển nhượng
4	Bùi Thị Thủy Chung	Cổ đông lớn	1.377.600	18.1%	0	0%	Chuyển nhượng
5	Dư Nguyễn Khánh Linh	Cổ đông lớn	1.685.034	22.8%	0	0%	Chuyển nhượng
6	Đỗ Văn Huy	Cổ đông lớn	1.658.400	22.4%	0	0%	Chuyển nhượng
7	Nguyễn Hoàng Vi	Cổ đông lớn	696.600	9.4%	0	0%	Chuyển nhượng
8	Nguyễn Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	0	0%	295.300	3.99%	Mua

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** không.

d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty Legamex tự đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty là đáp ứng các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Năm 2024, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

1.1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.11 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Công ty hạch toán chi phí phát sinh của dự án là tiền thuê đất trả hàng năm từ năm 2017 đến năm 2024 lũy kế với số tiền 45.765.531.868 VND (trong đó, từ năm 2017 đến năm 2023 lũy kế với số tiền 42.140.627.068 VND, năm 2024 với số tiền 3.624.904.800 VND). Dự án này đang tạm ngưng triển khai. Việc Công ty vốn hóa chi phí tiền thuê đất trả hàng năm liên quan

đến dự án là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí và điều chỉnh chi phí đúng niên độ các khoản nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và các năm trước cũng như ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các chỉ tiêu khác (nếu có) trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán); Báo cáo tài chính được trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán và toàn bộ báo cáo tài chính đã được đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao/bao-cao-tai-chinh/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Tăng Phúc Hậu



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CP GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6663/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005199 đăng ký lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 3 năm 2025 với mã số doanh nghiệp 0300734844 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường sàn Upcom.

Mã chứng khoán : LGM.

Vốn điều lệ : 74.000.000.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : số 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : + 84-(28) 22 146 121 - 22 146 087

Fax : + 84-(28) 38 641 265

3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quầy rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Chủ tịch	27/2/2024	
Ông Lê Hồng Chiến	Thành viên	27/2/2024	
Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Thành viên	27/2/2024	
Ông Lê Xuân Khanh	Chủ tịch	29/6/2023	27/2/2024
Bà Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên	29/6/2023	27/2/2024
Bà Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	29/6/2023	27/2/2024

4.2. Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm soát

Ủy Ban kiểm toán của Công ty từ 27/02/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Chủ tịch	27/02/2024	
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	27/02/2024	

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	12/8/2022	27/02/2024
Bà Tạ Thị Hồng Thắm	Thành viên	29/6/2023	27/02/2024
Ông Lâm Thanh Xuân	Thành viên	12/8/2022	27/02/2024

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Tổng Giám đốc	11/3/2025	
Ông Lê Hồng Chiến	Tổng Giám đốc	01/02/2021	11/3/2025
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	21/10/2022	11/3/2025
Bà Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	10/07/2019	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 20 tháng 3 năm 2025 là Ông Lê Hồng Chiến – Tổng Giám đốc và từ ngày 21 tháng 3 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 46.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty tăng vốn điều lệ từ 74.000.000.000 VND lên thành 118.400.000.000 VND và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ tại Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX). Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

TM. Ban Tổng Giám đốc



HUỲNH TĂNG PHÚC HẬU
Tổng Giám đốc

Số: 2203/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.11 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Công ty hạch toán chi phí phát sinh của dự án là tiền thuê đất trả hàng năm từ năm 2017 đến năm 2024 lũy kế với số tiền 45.765.531.868 VND (trong đó, từ năm 2017 đến năm 2023 lũy kế với số tiền 42.140.627.068 VND, năm 2024 với số tiền 3.624.904.800 VND). Dự án này đang tạm ngưng triển khai. Việc Công ty vốn hóa chi phí tiền thuê đất trả hàng năm liên quan đến dự án là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí và điều chỉnh chi phí đúng niên độ các khoản nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và các năm trước cũng như ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các chỉ tiêu khác (nếu có) trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.2 – Nợ tiềm tàng như sau: Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất thuê (xem thuyết minh mục V.11) và hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là “Dự án”) và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC. Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chỉ mới hoàn trả lại tiền góp vốn cho GDI và chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 38.996.885.439 VND.

- Và bản thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.8, Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền (33.128.519.448) VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền (166.445.819.355) VND, vốn chủ sở hữu âm với số tiền (78.837.545.218) VND. Tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 121.301.768.670 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đảm bảo sẽ thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và không có kế hoạch giải thể trong năm sau. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sau niên độ, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục tăng vốn điều lệ từ 74.000.000.000 VND thành 118.400.000.000 VND (xem thuyết minh mục VIII.9).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0351-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.493.660.220	12.336.926.927
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.673.118.773	220.469.455
111	1. Tiền		1.223.118.773	220.469.455
112	2. Các khoản tương đương tiền		450.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.731.097.688	5.832.706.486
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	14.980.027.667	18.898.742.575
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	724.052.000	46.300.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	744.241.463	416.111.993
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(10.663.899.949)	(14.475.124.589)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	946.676.507	946.676.507
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	2.824.191.594	3.575.293.042
141	1. Hàng tồn kho		5.170.278.725	7.465.729.765
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.346.087.131)	(3.890.436.723)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.265.252.165	2.708.457.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	73.865.096	147.698.733
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.969.790.706	2.439.176.638
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	221.596.363	121.582.573
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		64.437.311.430	53.374.981.061
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.122.000	50.122.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	50.122.000	50.122.000
220	II. Tài sản cố định		1.118.361.115	1.003.467.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.118.361.115	1.003.467.524
222	- Nguyên giá		73.241.531.207	85.139.235.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(72.123.170.092)	(84.135.767.984)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		53.069.987.709	42.140.627.068
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	53.069.987.709	42.140.627.068
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	9.600.000.000	9.600.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.600.000.000	9.600.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		598.840.606	580.764.469
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	72.228.313	126.945.471
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.12	526.612.293	453.818.998
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.930.971.650	65.711.907.988

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		157.768.516.868	111.420.933.758
310	I. Nợ ngắn hạn		135.795.428.890	91.047.717.272
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	2.845.239.538	352.182.205
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	25.481.563.961	50.356.013.328
314	4. Phải trả người lao động	V.15	4.054.214.748	5.079.015.709
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.266.608.291	4.578.619.824
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	12.162.226.248	12.007.952.619
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	88.800.000.000	18.500.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	185.576.104	173.933.587
330	II. Nợ dài hạn		21.973.087.978	20.373.216.486
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	548.000.000	77.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.20	21.425.087.978	20.296.216.486
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		(78.837.545.218)	(45.709.025.770)
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	(78.837.545.218)	(45.709.025.770)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.003.156.282	4.003.156.282
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.605.117.855	9.605.117.855
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(166.445.819.355)	(133.317.299.907)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(133.317.299.907)	(70.573.237.223)
421a				
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.930.971.650	65.711.907.988

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

HUỲNH TĂNG PHÚC HẬU



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	38.600.050.624	31.046.720.526
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		40.059.800	11.357.250
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.559.990.824	31.035.363.276
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	54.350.040.584	56.323.304.932
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(15.790.049.760)	(25.287.941.656)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	8.021.684	2.789.572.809
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.612.141.571	709.157.870
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.612.141.370	633.013.697
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	12.000.000	905.822.289
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	10.613.139.758	29.780.258.356
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.019.309.405)	(53.893.607.362)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.088.862.704	974.144.884
32	12. Chi phí khác	VI.8	5.239.049.142	7.252.986.146
40	13. Lợi nhuận khác		(3.150.186.438)	(6.278.841.262)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(33.169.495.843)	(60.172.448.624)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	31.816.900	100.013.790
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	(72.793.295)	2.471.600.270
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.11	(4.477)	(8.479)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.11	(4.477)	(8.479)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.
Tổng Giám đốc

HUỲNH TĂNG PHÚC HẬU


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(33.169.495.843)	(60.172.448.624)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(4.261.915.776)	13.932.156.127
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.13	620.650.954	1.129.326.688
03	- Các khoản dự phòng	V.8	(6.484.445.724)	15.131.058.205
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(11.792)	21.289
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3-VI.7	(2.010.250.584)	(2.961.263.752)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	3.612.141.370	633.013.697
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(37.431.411.619)	(46.240.292.497)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.310.348.267	29.642.822.238
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	2.295.451.040	7.050.413.314
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(29.908.629.756)	(10.866.845.299)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9a-V.9b	128.550.795	506.640.544
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	V.16-V.17a-VI.4	(97.232.877)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(131.830.690)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(4.000.000)	(9.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.838.754.840)	(19.916.761.700)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.999.941.026)	(149.540.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	2.002.255.892	328.141.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.680.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	7.072.500	2.633.121.843
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.990.612.634)	4.491.723.752
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	109.300.000.000	15.500.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(39.000.000.000)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17a	(17.995.000)	(20.550.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		70.282.005.000	15.479.450.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		1.452.637.526	54.412.052
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		220.469.455	166.162.584
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.792	(105.181)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.I	1.673.118.773	220.469.455

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Tổng Giám đốc

HUỲNH TĂNG PHÚC HẬU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quầy rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng do tăng đơn hàng làm áo đồng phục và tăng doanh thu hợp đồng hợp tác, đồng thời cũng không phát sinh chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi như năm trước. Điều này dẫn đến hoạt động kinh doanh trong năm giảm lỗ so với năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 202 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 270 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Bảo hiểm sức khỏe

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm

11. Quỹ lương

Quỹ lương được trích theo quy định của Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể và theo quyết định phê duyệt quỹ lương hàng tháng của Tổng Giám đốc Công ty.

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi

do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm là các sản phẩm quần áo thời trang, ...

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công chủ yếu là hàng quần áo, ...

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

+ Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

+ Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	27.723.575	119.826.860
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.195.395.198	100.642.595
1.3	Các khoản tương đương tiền	450.000.000	-
	Cộng	1.673.118.773	220.469.455

Tại ngày kết thúc năm, Công ty không có tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa đảm bảo khoản vay.

2. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định (@)	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Cộng	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-

(@) Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phiếu. Theo Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

(*) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Công ty không phát sinh Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

3. Phải thu của khách hàng của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.062.418.317	16.262.418.317
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	10.062.418.317	16.262.418.317
Phải thu các khách hàng khác	4.917.609.350	2.636.324.258
Công ty CP May Sài Gòn 3	2.139.482.459	-
Các khách hàng khác	2.778.126.891	2.636.324.258
Cộng	14.980.027.667	18.898.742.575

Trong đó, nợ quá hạn đã lập dự phòng với số tiền 10.514.559.005 VND

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước các khách hàng khác	724.052.000	46.300.000
Nguyễn Thái Học	565.752.000	-
Các nhà cung cấp khác	158.300.000	46.300.000
Cộng	724.052.000	46.300.000

5. Phải thu khác

5a Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	284.091.036	109.536.200	138.568.799	-
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	214.091.036	109.536.200	137.387.526	-
Lê Hồng Chiến – Tạm ứng	70.000.000	-	1.181.273	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	460.150.427	21.804.744	277.543.194	-
Ký cược, ký quỹ	4.100.000	-	4.100.000	-
Tạm ứng	112.263.744	21.804.744	63.119.430	-
Phải thu BHXH khoản trả thay	255.486.464	-	210.323.764	-
Dự thu lãi tiền gửi	922.192	-	-	-
Phải thu khác	87.378.027	-	-	-
Cộng	744.241.463	131.340.944	416.111.993	-

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

5b Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	50.122.000	-	50.122.000	-
Ký cược, ký quỹ	50.122.000	-	50.122.000	-
Cộng	50.122.000	-	50.122.000	-

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	946.676.507	946.676.507
Số cuối năm	946.676.507	946.676.507

7. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	10.171.954.517	-	14.262.418.317	-
Quá hạn trên 03 năm	10.171.954.517	-	14.262.418.317	-
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	10.171.954.517	-	14.262.418.317	-
Các tổ chức và cá nhân khác	491.945.432	-	212.706.272	-
Quá hạn trên 03 năm	491.945.432	-	212.706.272	-
Đối tượng khác	491.945.432	-	212.706.272	-
Cộng	10.663.899.949	-	14.475.124.589	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(14.475.124.589)	(-)	(14.475.124.589)
Trích lập dự phòng bổ sung	(388.775.360)	-	(388.775.360)
Hoàn nhập dự phòng	4.200.000.000	-	4.200.000.000
Số cuối năm	(10.663.899.949)	(-)	(10.663.899.949)

8. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	234.774.346	(234.774.346)	352.804.929	(77.067.795)
Công cụ, dụng cụ	318.997.850	(311.053.402)	341.764.801	(325.212.602)
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	4.510.802.529	(1.694.555.383)	6.665.456.035	(3.488.156.326)
Hàng hóa	105.704.000	(105.704.000)	105.704.000	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Cộng	5.170.278.725	(2.346.087.131)	7.465.729.765	(3.890.436.723)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	234.774.346	77.067.795
Công cụ, dụng cụ	311.053.402	325.212.602
Thành phẩm	1.694.555.383	3.488.156.326
Hàng hóa	105.704.000	-
Cộng	2.346.087.131	3.890.436.723

Công ty không có nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa,... tồn kho được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.890.436.723)	(3.547.349.915)
Trích lập dự phòng	(1.732.958.192)	(4.533.981.898)
Hoàn nhập dự phòng	3.277.307.784	4.190.895.090
Số cuối năm	(2.346.087.131)	(3.890.436.723)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	7.581.962	9.499.997
Sửa chữa, cải tạo	21.836.062	55.604.426
Bảo hiểm tài sản	44.447.072	82.594.310
Cộng	73.865.096	147.698.733

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	147.698.733	602.254.465
Tăng trong năm	253.332.844	555.015.882
Phân bổ trong năm	(327.166.481)	(1.009.571.614)
Số cuối năm	73.865.096	147.698.733

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	62.308.313	124.465.471
Chi phí khác	9.920.000	2.480.000
Cộng	72.228.313	126.945.471

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	126.945.471	179.030.284
Tăng trong năm	11.160.000	149.540.000
Phân bổ trong năm	(65.877.158)	(201.624.813)
Số cuối năm	72.228.313	126.945.471

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	57.112.614.623	23.247.892.331	1.984.546.418	2.794.182.136	85.139.235.508
2. Tăng trong năm	-	-	735.544.545	-	735.544.545
Mua sắm trong năm	-	-	735.544.545	-	735.544.545
3. Giảm trong năm	-	10.589.168.326	327.300.000	1.716.780.520	12.633.248.846
Do thanh lý	-	10.589.168.326	327.300.000	1.716.780.520	12.633.248.846
4. Số cuối năm	57.112.614.623	12.658.724.005	2.392.790.963	1.077.401.616	73.241.531.207
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.920.027.293	11.956.261.505	1.260.246.418	1.077.401.616	68.213.936.832
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	56.583.338.467	22.866.903.467	1.891.343.914	2.794.182.136	84.135.767.984
2. Tăng trong năm	135.523.781	322.074.266	163.052.907	-	620.650.954
Khấu hao trong năm	135.523.781	322.074.266	163.052.907	-	620.650.954
3. Giảm trong năm	-	10.589.168.326	327.300.000	1.716.780.520	12.633.248.846
Do thanh lý	-	10.589.168.326	327.300.000	1.716.780.520	12.633.248.846
4. Số cuối năm	56.718.862.247	12.599.809.407	1.727.096.822	1.077.401.616	72.123.170.092
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	529.276.156	380.988.864	93.202.504	-	1.003.467.524
2. Tại ngày cuối năm	393.752.376	58.914.598	665.694.141	-	1.118.361.115
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Công ty không có Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty không có cam kết mua bán tài sản trong tương lai.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm ⁽²⁾	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	42.140.627.068	10.929.360.641	-	53.069.987.709
Dự án Lega Fashion House ⁽¹⁾	42.140.627.068	10.929.360.641	-	53.069.987.709
Cộng	42.140.627.068	10.929.360.641	-	53.069.987.709

⁽¹⁾ Chi phí phát sinh lũy kế của dự án này chủ yếu là tiền thuê đất từ năm 2017 tại số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, TP.HCM theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) cho Dự án Lega Fashion House (Dự án), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

⁽²⁾ Trong năm, có phát sinh khoản đã trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) số tiền 5.635.596.481 VND theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên, do chưa thống nhất số liệu bàn giao giữa 2 bên theo biên bản bàn giao ngày 17 tháng 7 năm 2024 nên GDI chưa xuất hóa đơn cho Legamex khoản chi phí này (xem thuyết minh mục VIII.2).

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	453.818.998	72.793.295	-	526.612.293
Cộng	453.818.998	72.793.295	-	526.612.293

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan chủ yếu phát sinh từ dự phòng trợ cấp thôi việc và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.864.832.606	-
Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	1.864.832.606	-
Phải trả nhà cung cấp khác	980.406.932	352.182.205
Ngô Thị Thu Thảo	581.036.500	-
Các nhà cung cấp khác	399.370.432	352.182.205
Cộng	2.845.239.538	352.182.205

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	49.477.207	15.908.450	(65.385.657)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.582.573	-	31.816.900	(131.830.690)	221.596.363	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.458.775	302.761.530	(254.190.824)	-	68.029.481
Tiền thuê đất	-	42.941.334.148	20.095.074.243	(47.831.014.528)	-	15.205.393.863
Tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất	-	7.109.935.233	2.804.030.986	-	-	9.913.966.219
Các loại thuế khác	-	235.807.965	325.063.165	(266.696.732)	-	294.174.398
Cộng	121.582.573	50.356.013.328	23.574.655.274	(48.549.118.431)	221.596.363	25.481.563.961

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo diện tích trong hợp đồng thuê đất và đơn giá theo quy định của Nhà nước theo từng năm hiện hành.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	4.054.214.748	5.079.015.709
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	4.054.214.748	5.079.015.709

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	888.732.764	4.201.314.577
Công ty CP Dệt May Gia Định (*)	888.732.764	4.201.314.577
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.377.875.527	377.305.247
Chi phí lãi vay	1.115.236.437	92.876.712
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	262.639.090	284.428.535
Cộng	2.266.608.291	4.578.619.824

(*) Là chi phí phải trả tiền gia công hàng thời trang.

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	605.862.998	493.338.536
Thù lao HĐQT	508.686.998	378.338.536
Thù lao BKS	97.176.000	115.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.556.363.250	11.514.614.083
Kinh phí công đoàn	1.691.356.496	1.431.115.016
Bảo hiểm xã hội	4.449.300.374	7.147.053.870
Bảo hiểm y tế	44.411.625	114.911.775
Bảo hiểm thất nghiệp	19.432.420	312.577.220
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	558.000.000	558.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.160.824.000	1.178.819.000
Lãi vay cá nhân	3.057.672.054	540.136.985
BHXH, YT, TN nhà nước hỗ trợ từ 2021-2022	378.137.765	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	197.228.516	232.000.217
Cộng	12.162.226.248	12.007.952.619

17b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	548.000.000	77.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	548.000.000	77.000.000
Cộng	548.000.000	77.000.000

Ngoài các công nợ phải trả bên liên quan và các khoản ký quỹ, các công nợ còn lại đều quá hạn thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	88.800.000.000	88.800.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
Vay ngắn hạn của cá nhân	88.800.000.000	88.800.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
Đinh Văn Chiến ⁽¹⁾	41.000.000.000	41.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Nguyễn Thành Quốc ⁽²⁾	30.300.000.000	30.300.000.000	-	-
Nguyễn Ngọc Minh Thư ⁽³⁾	17.500.000.000	17.500.000.000	-	-
Nguyễn Hoàng Vũ	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	88.800.000.000	88.800.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000

⁽¹⁾ Khoản vay ông Đinh Văn Chiến với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với hình thức vay tín chấp. Chi tiết như sau:

STT	Hợp đồng vay và phụ lục	Ngày	Lãi suất (%/năm)	Thời gian vay	Số tiền
1	01-2022/HĐCV 12/PLHĐCV	24/11/2022 21/8/2024	8%	đến ngày 27/2/2025	3.000.000.000
2	01-2023/HĐCV 09-2023/PLHĐCV	31/3/2023 11/9/2024	8%	đến ngày 30/3/2025	3.000.000.000
3	02-2024/HĐCV 03/02- 2024/PLHĐCV	14/3/2024 11/9/2024	7%	đến ngày 14/3/2025	4.000.000.000
4	04-2024/HĐCV 01/04- 2024/PLHĐCV	28/5/2024 21/11/2024	6,20%	đến ngày 28/5/ 2025	7.600.000.000

5	05-2024/HĐCV 01/05- 2024/PLHĐCV	24/6/2024 23/12/2024	6,50%	đến ngày 24/6/ 2025	8.100.000.000
6	07-2024/HĐCV	21/8/2024	6,50%	đến ngày 21/02/2025	8.000.000.000
7	09-2024/HĐCV	29/10/2024	6,50%	đến ngày 29/4/2025	7.300.000.000
	Cộng				41.000.000.000

(2) Khoản vay ông Nguyễn Thành Quốc với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hình thức vay tín chấp. Chi tiết như sau:

STT	Hợp đồng vay và phụ lục	Ngày	Lãi suất (%/năm)	Thời gian vay	Số tiền
1	03-2024/HĐCV 01/03- 2024/PLHĐCV	04/04/2024	6,20%	đến ngày 04/4/2025	5.000.000.000
2	06-2024/HĐCV	22/7/2024	6,50%	đến ngày 22/01/2025	5.600.000.000
3	08-2024/HĐCV	25/9/2024	6,50%	đến ngày 25/3/2025	6.800.000.000
4	15-2024/HĐCV	28/11/2024	6,50%	đến ngày 28/5/2025	6.300.000.000
5	16-2024/HĐCV	27/12/2024	6,50%	đến ngày 27/6/2025;	6.600.000.000
	Cộng				30.300.000.000

(3) Khoản vay bà Nguyễn Ngọc Minh Thư (chuyển giao khoản vay của ông Nguyễn Hoàng Vũ sang cho bà Nguyễn Ngọc Minh Thư), với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp, trả nợ tiền thuê đất), với lãi suất 6,50%, hình thức vay tín chấp. Chi tiết như sau:

STT	Hợp đồng vay và phụ lục	Ngày	Thời gian vay	Số tiền
1	02-2023/HĐCV 05/02-2023/PLHĐCV	23/10/2023 23/10/2024	đến ngày 24/02/2025	3.500.000.000
2	03-2023/HĐCV 05/03-2023/PLHĐCV	15/11/2023 14/11/2024	đến ngày 15/3/2025	4.000.000.000
3	04-2023/HĐCV 04/04-2023/PLHĐCV	25/12/2023 25/10/2024	đến ngày 27/2/2025	5.000.000.000
4	01/2024/HĐCV 04/01-2023/PLHĐCV	29/01/2024 29/11/2024	đến ngày 30/5/2025	5.000.000.000
	Cộng			17.500.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển đổi tương	Số cuối năm
Vay ngắn hạn của cá nhân	18.500.000.000	109.300.000.000	(39.000.000.000)	-	88.800.000.000
Đinh Văn Chiến	6.000.000.000	50.200.000.000	(15.200.000.000)	-	41.000.000.000
Nguyễn Thành Quốc	-	54.100.000.000	(23.800.000.000)	-	30.300.000.000
Nguyễn Ngọc Minh Thư	-	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000
Nguyễn Hoàng Vũ	12.500.000.000	5.000.000.000	-	(17.500.000.000)	-
Cộng	18.500.000.000	109.300.000.000	(39.000.000.000)	-	88.800.000.000

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	17.161.794	15.642.517	-	32.804.311
Quỹ phúc lợi	156.771.793	-	(4.000.000)	152.771.793
Quỹ thưởng BDH	-	-	-	-
Cộng	173.933.587	-	(4.000.000)	185.576.104

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.635.314.586	65.596.754	(272.435.000)	1.428.476.340
Dự phòng cho dự án Lega Fashion House (*)	18.660.901.900	1.335.709.738	-	19.996.611.638
Cộng	20.296.216.486	1.401.306.492	(272.435.000)	21.425.087.978

(*) Theo đề nghị của Công ty tại Văn bản số 106/2014/LG-DA ngày 18 tháng 6 năm 2014 về miễn tiền thuê đất đối với khu đất tại địa chỉ số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh (Dự án Lega Fashion House). Theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh cho lô đất nói trên, Công ty được tạm miễn tiền thuê đất trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với điều kiện sau khi công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng. Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ để Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành quyết định miễn tiền thuê đất.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn miễn giảm nêu trên. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền thuê đất cho Dự án trên giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với số tiền 12.198.262.453 VND, và tiền chậm nộp tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 số tiền 1.119.800.493 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 1.335.709.739 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 1.335.709.739 VND. Tổng số tiền đã lập dự phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.989.482.424 VND. Công ty được miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 nên Công ty không trích lãi chậm nộp cho 2 năm trên. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 1.335.709.738 VND. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 1.335.709.738 VND. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền 1.335.709.738 VND.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(70.573.237.223)	17.035.036.914
Tăng trong năm trước	-	-	-	(62.744.062.684)	(62.744.062.684)
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(133.317.299.907)	(45.709.025.770)
Tăng trong năm	-	-	-	(33.128.519.448)	(33.128.519.448)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(166.445.819.355)	(78.837.545.218)

21b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Hà Nam	72,67%	53.776.340.000	-
Các cổ đông khác	27,33%	20.223.660.000	74.000.000.000
Cộng	100,00%	74.000.000.000	74.000.000.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	74.000.000.000	74.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	74.000.000.000	74.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21d. Cổ phiếu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.400.000	7.400.000
Cổ phiếu phổ thông	7.400.000	7.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	7.400.000
Cổ phiếu phổ thông	7.400.000	7.400.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Cổ tức

Trong năm, Công ty không chia cổ tức.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(17.995.000)	(20.550.000)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(17.995.000)	(20.550.000)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

21f. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển phải theo chính sách tài chính hiện hành đối với từng loại doanh nghiệp hoặc quyết định của chủ sở hữu.

21g. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	(133.317.299.907)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(33.128.519.448)
Phân phối trong năm:	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(166.445.819.355)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	10,07	254.278	1.020,77	24.580.142
Euro (EUR)	-	-	86,65	2.284.973
Francs Bỉ (BEF)	1.200	441.116	1.200	441.116

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ là các loại tủ chưa vỏ nhựa và các loại phụ liệu đi kèm như băng dính, nhãn may, bao PE,...

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	8.759.258.724	143.742.360
Doanh thu bán thành phẩm	24.137.200.075	28.175.404.337
Doanh thu cho thuê tài sản	4.685.096.930	1.898.661.816
Doanh thu khác	1.018.494.895	828.912.013
Cộng	38.600.050.624	31.046.720.526

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.434.678.294	314.645.063
Giá vốn của thành phẩm đã bán	42.528.911.782	55.405.113.702
Giá vốn cho thuê tài sản	4.146.256.049	-
Giá vốn khác	784.544.051	260.459.359
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.544.349.592)	343.086.808
Cộng	54.350.040.584	56.323.304.932

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	8.009.892	1.121.843
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	11.792	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	156.450.966
Lãi từ thoái vốn khoản đầu tư tài chính	-	2.632.000.000
Cộng	8.021.684	2.789.572.809

4. Chi phí hoạt động tài chính

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.612.141.370	633.013.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	21.450.671
Chi phí khác	201	54.693.502
Cộng	3.612.141.571	709.157.870

5. Chi phí bán hàng

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	-
Chi phí vật liệu, bao bì	-	3.820.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí mua ngoài	12.000.000	29.900.000
Chi phí khác bằng tiền	-	872.102.289
Cộng	12.000.000	905.822.289

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.193.178.320	6.563.223.977
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.507.511	27.026.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	224.589.735	154.845.449
Thuế, phí, lệ phí	178.696.217	103.493.669
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(3.711.224.640)	14.379.238.410
Chi phí mua ngoài	251.274.148	345.382.899
Chi phí khác bằng tiền	8.445.118.467	8.207.047.540
Cộng	10.613.139.758	29.780.258.356

7. Thu nhập khác

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	2.002.255.892	328.141.909
Thu tiền bồi thường	-	518.000.575
Thu nhập khác	86.606.812	128.002.400
Cộng	2.088.862.704	974.144.884

8. Chi phí khác

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Chi phí chậm nộp tiền thuê đất	4.139.740.724	5.874.185.503
Phạt chậm nộp	201.620.210	306.288.592
Tiền chậm nộp BHXH	540.812.785	915.447.359
Chi phí khác	356.875.423	157.064.692
Cộng	5.239.049.142	7.252.986.146

9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(33.169.495.843)	(60.172.448.624)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	10.246.526.209	5.766.036.611
Chi phí không được trừ	10.539.633.962	8.632.853.693
Chi phí lãi chậm nộp tiền thuê đất	1.030.316.776	1.802.676.489
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	5.121.195.698	5.984.241.673
Chi phí lãi vay theo ND 132/2020/ND-CP	118.915.385	207.588.462
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.612.141.370	633.013.697
Dự phòng hàng tồn kho	65.596.754	5.312.083
Dự phòng hàng tồn kho	591.456.187	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của tài khoản 112, 131	11.792	21.289
Các khoản điều chỉnh giảm	(293.107.753)	(2.866.817.082)
Hoàn nhập dự phòng HTK	(20.651.464)	(1.932.025.978)
Hoàn nhập trợ cấp thôi việc	(272.435.000)	(932.288.834)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đã thực hiện năm nay	(21.289)	(2.502.270)
Thu nhập chịu thuế	(22.922.969.634)	(54.406.412.013)
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế TNDN bổ sung 2018	31.816.900	100.013.790
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.816.900	100.013.790

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(72.793.295)	(523.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.472.123.737
Cộng	(72.793.295)	2.471.600.270

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.477)	(8.479)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.400.000	7.400.000

11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(33.128.519.448)	(62.744.062.684)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(4.477)	(8.479)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- ...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	421.774.134	2.971.503.353
Chi phí nhân công	24.773.894.796	32.285.735.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	620.650.954	1.129.326.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.214.954.446	10.416.918.727
Chi phí khác	16.428.096.168	18.885.408.921
Cộng	49.459.370.498	65.688.892.780

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty đang khởi kiện Công ty TNHH Dệt may Thế Hòa theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm dụng khu đất tại ấp Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với số tiền yêu cầu bồi thường là 2.137.802.667 VND.

2. Nợ tiềm tàng

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) cho Dự án Lega Fashion House (Dự án), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền (xem thuyết minh mục V.11).

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là “Dự án”) và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty.

Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chỉ mới hoàn trả lại tiền góp vốn cho GDI với số tiền 5.635.596.481 VND, và chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 38.996.885.439 VND.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.302.301.599	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	2.302.301.599	-

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.036.821.846	1.125.690.040
Thù lao	144.448.462	243.357.692
Tiền thưởng	-	-
Cộng	1.181.270.308	1.369.047.732

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị		424.758.923	130.348.462	-	555.107.385
Nguyễn Hoàng Vũ	Chủ tịch HĐQT	-	40.806.308	-	40.806.308
Lê Xuân Khanh	Chủ tịch HĐQT	-	6.956.000	-	6.956.000
Lê Hồng Chiến	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	424.758.923	25.533.077	-	450.292.000
Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Thành viên	-	45.773.077	-	45.773.077
Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	-	5.640.000	-	5.640.000
Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên	-	5.640.000	-	5.640.000
Ban Kiểm soát		-	14.100.000	-	14.100.000
Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	-	5.452.000	-	5.452.000
Tạ Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	-	4.324.000	-	4.324.000
Lâm Thanh Xuân	Thành viên	-	4.324.000	-	4.324.000
Ban Điều hành		612.062.923	-	-	612.062.923
Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Tổng Giám Đốc	308.275.423	-	-	308.275.423
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	303.787.500	-	-	303.787.500
Cộng		1.036.821.846	144.448.462	-	1.181.270.308
Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
Năm trước					
Hội đồng quản trị		404.179.925	153.357.692	-	557.537.617
Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch HĐQT	-	21.915.385	-	21.915.385
Lê Xuân Khanh	Chủ tịch HĐQT	102.052.616	40.173.077	-	142.225.693
Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	302.127.309	17.769.230	-	319.896.539
Đào Hồng Hạnh	Thành viên	-	17.769.230	-	17.769.230
Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	-	19.269.230	-	19.269.230
Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	-	18.230.770	-	18.230.770
Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên	-	18.230.770	-	18.230.770
Ban Kiểm soát		-	90.000.000	-	90.000.000
Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	-	34.800.000	-	34.800.000
Tạ Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	-	13.976.923	-	13.976.923
Nguyễn Ái	Thành viên	-	13.623.077	-	13.623.077
Lâm Thanh Xuân	Thành viên	-	27.600.000	-	27.600.000
Ban Điều hành		721.510.115	-	-	721.510.115
Lê Hồng Chiến	Tổng Giám Đốc	420.060.038	-	-	420.060.038
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	301.450.077	-	-	301.450.077
Cộng		1.125.690.040	243.357.692	-	1.369.047.732

4b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Hà Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	Công ty có liên quan đến Ông Lê Hồng Chiến

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định		
Phải trả tiền hàng gia công	11.015.537.549	7.853.557.421
Trả tiền mua hàng	(15.235.697.597)	(14.055.513.144)
Thu tiền may gia công tủ vải	6.200.000.000	20.300.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh V.18).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. **Chi phí lãi vay vốn hoá**

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động bán hàng	Hoạt động gia công	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.759.258.724	24.097.140.275	5.703.591.825	38.559.990.824
Giá vốn hàng bán	8.434.678.294	40.984.562.190	4.930.800.100	54.350.040.584
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	324.580.430	(16.887.421.915)	772.791.725	(15.790.049.760)
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.101.183.314	25.206.606.133	2.727.573.829	31.035.363.276
Giá vốn hàng bán	2.704.789.862	53.269.584.649	348.930.421	56.323.304.932
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.393.452	(28.062.978.516)	2.378.643.408	(25.287.941.656)

6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền (33.128.519.448) VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền (166.445.819.355) VND, vốn chủ sở hữu âm với số tiền (78.837.545.218) VND. Tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 121.301.768.670 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đảm bảo sẽ thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và không có kế hoạch giải thể trong năm sau. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sau niên độ, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục tăng vốn điều lệ từ 74.000.000.000 VND thành 118.400.000.000 VND.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty tăng vốn điều lệ từ 74.000.000.000 VND lên thành 118.400.000.000 VND và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ tại Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX). Và theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật.

10. Những Thông tin khác

Công ty ký hợp đồng thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và được cấp các Quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB971036, số vào sổ cấp GCN CT01981 cấp ngày 06/08/2010 theo Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 và Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 27/04/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA489864, số vào sổ cấp GCN CT04664 cấp ngày 10/12/2010 theo QĐ số 5344/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC236582, số vào sổ cấp GCN T00203 cấp ngày 09/02/2006.

Công ty không sử dụng các Quyền sử dụng đất trên để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tổng Giám đốc



HUỲNH TĂNG PHÚC HẬU

